

Số: 30/BC-UBND

Trà Cú, ngày 25 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO

Đánh giá, xác định tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo trên địa bàn huyện Trà Cú

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

Căn cứ Quyết định số 36/2021-QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025;

Thực hiện Kế hoạch số 2902/KH-SLĐTBXH ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc rà soát huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025;

Theo Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 07/01/2022 tại Tờ trình số 02/TTr-UBND ngày 07/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn về việc xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo;

Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú báo cáo đề nghị xác định tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 – 2025, cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT TÍNH HÌNH

1. Đặc điểm tình hình chung:

Trà Cú là huyện vùng sâu, nằm cách trung tâm tỉnh 34 km về hướng Tây Nam. Toàn huyện có 15 xã, 02 thị trấn (03 xã có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 90%, 06 xã có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm từ 70 - 90%, 03 xã có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm từ 50 - 70%, 02 xã có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm từ 40 - 50% và 03 xã, thị trấn có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm dưới 30%), diện tích tự nhiên 31.752,8 ha, dân số 146.399 người, trong đó dân tộc Khmer chiếm 63,34% dân số.

2. Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội:

Quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 trong điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung, huyện Trà Cú nói riêng có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên, khối đại đoàn kết các dân tộc ngày càng được phát huy; các chính sách an sinh xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo được quan tâm chỉ đạo thực hiện; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định; hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới, nâng chất lượng. Bên

ạnh những thuận lợi cơ bản, huyện cũng gặp không ít khó khăn, thách thức như: Tình hình hạn hán, xâm nhập mặn và dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, giá cả một số mặt hàng nông sản không ổn định, giá vật tư, phân bón, thức ăn chăn nuôi tăng; kết cấu hạ tầng nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; đời sống của một bộ phận Nhân dân còn khó khăn; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp; tình hình dịch bệnh ở người, đặc biệt là dịch COVID-19 đã gây ảnh hưởng sâu rộng đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của địa phương và gây tác động trực tiếp đến việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 2016 - 2020.

3. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020:

3.1. Đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

3.1.1. Dự án 1: Chương trình 30a:

a/ Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

Trên địa bàn huyện có 15 xã được hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng với các hạng mục công trình như: Giao thông, điện, nước sinh hoạt, Trường học, Y tế, Nhà văn hóa...

- **Đầu tư xây mới:** Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, huyện chỉ đạo các xã điều tra, khảo sát cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội theo hạng mục công trình được phê duyệt và nguồn ngân sách của Trung ương, tỉnh phân bổ (2016 - 2020), các xã xây dựng dự án đầu tư xây dựng mới 73 công trình, tổng kinh phí đầu tư 87.914.000.000 đồng (ngân sách Trung ương hỗ trợ).

- **Đầu tư duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng:** Thực hiện hỗ trợ đầu tư xây dựng cải tạo, duy tu, bảo dưỡng 02 công trình, tổng kinh phí đầu tư 1.521.000.000 đồng (ngân sách Trung ương hỗ trợ).

b/ Tiểu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo

Trên địa bàn huyện có 04 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển được hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng với các hạng mục công trình như: Giao thông, đê bao, điện, nước sinh hoạt, Trường học, Y tế, Nhà văn hóa...

- **Đầu tư xây mới:** Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, huyện chỉ đạo các xã điều tra, khảo sát cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội theo hạng mục công trình được phê duyệt và nguồn ngân sách của Trung ương, tỉnh phân bổ (2016 - 2020), các xã xây dựng dự án đầu tư xây dựng mới 20 công trình, tổng kinh phí đầu tư 18.768.000.000 đồng (ngân sách Trung ương hỗ trợ).

- **Đầu tư duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng:** Thực hiện hỗ trợ đầu tư xây dựng cải tạo, duy tu, bảo dưỡng 17 công trình, tổng kinh phí đầu tư 1.191.000.000 đồng (ngân sách Trung ương hỗ trợ).

c/ Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo

Tổng kinh phí thực hiện 33.124.000.000 đồng, trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ 22.657.000.000 đồng, huy động nguồn khác (đóng góp của đối tượng hưởng lợi) 10.467.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- **Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế các xã trên địa bàn huyện nghèo**

Trên địa bàn huyện có 12 xã được đầu tư dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, huyện phê duyệt triển khai thực hiện 34 dự án, tổng kinh phí 22.134.319.000 đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 11.666.969.000 đồng, Nhân dân đối ứng 10.467.350.000 đồng.

- **Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển**

Trên địa bàn huyện có 04 xã được đầu tư dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, huyện phê duyệt triển khai thực hiện 33 dự án, tổng kinh phí 14.619.129.000 đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 7.734.039.000 đồng, Nhân dân đối ứng 6.885.090.000 đồng.

d/ Tiểu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài

Chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp các tổ chức đoàn thể, Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Trà Vinh, các công ty và doanh nghiệp, kịp thời phổ biến thông tin tuyển dụng lao động làm việc trong, ngoài địa phương và làm việc nước ngoài theo hợp đồng đến người lao động, qua đó đã tổ chức tư vấn được 57 cuộc, có 1.587 lượt người tham dự. Kết quả giải quyết việc làm được 17.683 lao động (nữ 9.785, dân tộc 11.041), trong đó làm việc trong tỉnh 6.707 lao động (nữ 4.137, dân tộc 4.042) làm việc ngoài tỉnh 10.976 lao động (nữ 5.648, dân tộc 6.999). Tổ chức Hội thảo và tư vấn việc làm cho lao động có nhu cầu đi làm việc nước ngoài được 33 cuộc, có 2.124 lao động tham dự, qua đó đã đưa 198 lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng; Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi cho 149 lao động (hộ nghèo 03 hộ, hộ cận nghèo 02 hộ, hộ dân tộc thiểu số 57 hộ, hộ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn 87 hộ), tổng số tiền 10.242.000.000 đồng.

3.1.2. Dự án 2: Chương trình 135:

a/ Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, các thôn, bản đặc biệt khó khăn

Trên địa bàn huyện có 09 xã đặc biệt khó khăn và 06 ấp đặc biệt khó khăn của 02 xã Tập Sơn, Tân Sơn được hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng với các hạng mục công

trình như: Giao thông, điện, nước sinh hoạt, Trường học, Y tế, Nhà văn hóa... Tổng kinh phí 55.338.000.000 đồng, trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ 54.749.000.000 đồng, huy động nguồn khác (đóng góp của đối tượng hưởng lợi) 589.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- **Đầu tư xây mới:** Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, huyện chỉ đạo các xã điều tra, khảo sát cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội theo hạng mục công trình được phê duyệt và nguồn ngân sách của Trung ương, tỉnh phân bổ (2016 - 2020), các xã xây dựng dự án đầu tư xây dựng mới 81 công trình, tổng kinh phí đầu tư 39.760.359.000 đồng (trong đó: ngân sách Trung ương hỗ trợ 39.600.000.000 đồng, Nhân dân đóng góp 160.359.000 đồng).

- **Đầu tư duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng:** Thực hiện hỗ trợ đầu tư xây dựng cải tạo, duy tu, bảo dưỡng 50 công trình, tổng kinh phí đầu tư 2.940.950.000 đồng (ngân sách Trung ương hỗ trợ).

b/ Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn

Tổng kinh phí thực hiện là 33.124.000.000 đồng, trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ 22.657.000.000 đồng, huy động nguồn khác (đóng góp của đối tượng hưởng lợi) 10.467.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- **Kết quả hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế**

Trên địa bàn huyện có 09 xã đặc biệt khó khăn và 06 ấp đặc biệt khó khăn của 02 xã Tập Sơn, Tân Sơn, được đầu tư dự án hỗ trợ sản xuất cho các xã được phân bổ hằng năm, huyện phê duyệt triển khai thực hiện 54 dự án, tổng kinh phí thực hiện 20.083.237.000 đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 11.514.471.000 đồng, Nhân dân đối ứng 8.568.766.000 đồng.

- **Kết quả hỗ trợ nhân rộng mô hình giảm nghèo**

Trên cơ sở kinh phí được phân bổ, huyện chỉ đạo các xã được đầu tư hỗ trợ xây dựng dự án hỗ trợ mô hình phát triển sản xuất, huyện phê duyệt triển khai thực hiện 12 dự án, tổng kinh phí thực hiện 2.275.790.000 đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 1.392.000.000 đồng, Nhân dân đối ứng 883.790.000 đồng.

c/ Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn; thôn bản đặc biệt khó khăn

Thực hiện dự án nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở, huyện tổ chức được 22 lớp, có 1.303 học viên (cán bộ xã 339 người, ấp 56 người, cộng đồng 908 người; nữ 397 người, dân tộc 872 người), kinh phí thực hiện 435.000.000 đồng.

3.1.3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn (các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135)

Thực hiện kinh phí tỉnh phân bổ, huyện phê duyệt triển khai thực hiện 17 dự án, tổng kinh phí 7.357.000.000 đồng, trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ 3.719.000.000 đồng, huy động nguồn khác (đóng góp của đối tượng hưởng lợi) 3.638.000.000 đồng.

3.1.4. Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a/ Truyền thông về giảm nghèo:

Để công tác truyền thông Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo đi vào chiều sâu và rộng rãi trong Nhân dân, được sự hỗ trợ của Văn phòng Ban chỉ đạo giảm nghèo tỉnh, triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, huyện đã tổ chức đối thoại chính sách giảm nghèo cấp xã được 12/17 xã, thị trấn có 520 hộ gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo tham gia. Phối kết hợp với Văn phòng Ban chỉ đạo giảm nghèo tổ chức tập huấn bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở được 09 cuộc, có trên 940 lượt cán bộ tham gia.

b/ Truyền thông về thông tin:

Chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện thực hiện biên tập tin, bài phát sóng, tuyên truyền tài liệu phục vụ người đọc trong các chương trình phát thanh và các sản phẩm thông tin khác để phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phổ biến các kinh nghiệm, mô hình và gương điển hình tiêu biểu...

Phối kết hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai và chỉ đạo các xã, thị trấn rà soát lập danh sách, lắp đặt hỗ trợ phương tiện nghe, xem (đầu thu phát sóng truyền hình) cho 4.357 hộ, tổng kinh phí 2.178.500.000 đồng, thực hiện Dự án giảm nghèo về thông tin với 98 chương trình, mỗi chương trình từ 10 đến 15 phút, 482 tin, bài, kinh phí thực hiện 24.019.200 đồng.

3.1.5. Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình:

a/ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo:

Trong quá trình triển khai thực hiện chương trình mục tiêu các chính sách hỗ trợ cho giảm nghèo, hằng năm Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo kiểm tra, giám sát và tổ chức đánh giá kết quả đạt được theo định kỳ, thực hiện 51 đợt, qua kiểm tra nhìn chung các xã, thị trấn có xây dựng Kế hoạch, phân giao chỉ tiêu giảm nghèo cho các ấp, khóm, củng cố kiện toàn Ban chỉ đạo, phân công thành viên Ban chỉ đạo phụ trách địa bàn ấp, khóm; chỉ đạo ấp, khóm xây dựng Kế hoạch giảm nghèo chi tiết; Triển khai thực hiện các chính sách đúng đủ, kịp thời đối với người hưởng lợi, chỉ đạo ấp, khóm nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ tự quản giảm nghèo bền vững.

b/ Công tác kiểm tra, giám sát rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm:

Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo huyện, phối hợp cùng Ban giám sát cấp tỉnh thực hiện giám sát; thành phần tham gia giám sát gồm: thành viên Tổ giám sát huyện phối kết hợp với Ban chỉ đạo huyện, Ban giám sát tỉnh, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn. Qua kết quả giám sát làm tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo huyện chỉ đạo xã, thị trấn kịp thời tháo gỡ những khó khăn, uốn nắn, khắc phục những hạn chế thiếu sót đảm bảo không để sai, sót đối tượng.

3.2. Đánh giá kết quả các mục tiêu của Chương trình:

3.2.1. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình:

Giai đoạn 2016 - 2020, hằng năm Ủy ban nhân dân huyện ban hành Đề án, các Kế hoạch giảm nghèo bền vững và đảm bảo an sinh xã hội tại các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, nhằm thúc đẩy giảm nghèo toàn diện và bền vững, hạn chế tái nghèo, đồng thời tạo cơ hội phát triển để người nghèo, hộ nghèo có điều kiện ổn định về sinh kế, đa dạng hóa thu nhập, vượt qua nghèo đói để vươn lên thoát nghèo bền vững.

Nhìn chung kết quả giảm nghèo trên địa bàn huyện cơ bản hộ nghèo có giảm đạt và vượt so chỉ tiêu Kế hoạch đề ra. Kết quả thực hiện tỷ lệ giảm nghèo so với mục tiêu chung của Đề án là 3,12%/3%/năm, trong vùng có đồng đồng bào dân tộc Khmer giảm 1,9%/năm so với trong hộ dân tộc và 100% hộ chính sách thoát nghèo bền vững, đảm bảo có mức sống từ trung bình trở lên so với người dân nơi cư trú.

a/ Kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo: Thực hiện theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng giai đoạn 2016 – 2020:

Qua hơn 05 năm thực hiện công tác giảm nghèo, kết quả đã kéo giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện từ 20,22% (8.136 hộ nghèo) đến cuối năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo còn 2,63% (tương đương 1.133 hộ nghèo), cụ thể từng năm như sau:

- Hộ nghèo cuối năm 2015 là 8.136 hộ, chiếm tỷ lệ 20,22%, trong đó hộ nghèo người dân tộc 5.870 hộ, chiếm tỷ lệ 14,59%.

- Hộ nghèo cuối năm 2016 là 7.267 hộ, chiếm tỷ lệ 17,77%, trong đó hộ nghèo người dân tộc 5.277 hộ, chiếm tỷ lệ 12,9%.

- Hộ nghèo cuối năm 2017 là 5.847 hộ, chiếm tỷ lệ 14,06%, trong đó hộ nghèo người dân tộc 4.257 hộ, chiếm tỷ lệ 10,23%.

- Hộ nghèo cuối năm 2018 là 4.351 hộ, chiếm tỷ lệ 10,34%, trong đó hộ nghèo người dân tộc 3.164 hộ, chiếm tỷ lệ 7,52%.

- Hộ nghèo cuối năm 2019 là 1.870 hộ, chiếm tỷ lệ 4,6%, trong đó hộ nghèo người dân tộc 1.327 hộ, chiếm tỷ lệ 5,06%.

- Hộ nghèo cuối năm 2020 là 1.133 hộ, chiếm tỷ lệ 2,63%, trong đó hộ nghèo người dân tộc 811 hộ, chiếm tỷ lệ 3,04%.

b/ Về kết quả thực hiện mục tiêu tăng thu nhập của các hộ nghèo, hộ cận nghèo so với Kế hoạch của giai đoạn:

Qua hơn 05 năm thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện đã đạt được những kết quả bước đầu, bên cạnh tỷ lệ hộ nghèo được kéo giảm thì mức thu nhập bình quân của hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm cũng được nâng lên. Từ đó khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo cũng dần được cải thiện, cụ thể: sử dụng xe gắn máy phục vụ đi lại, sử dụng tivi, điện thoại di động.... Đến nay, điều kiện sống của người dân thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo được cải thiện đáng kể so với thời điểm cuối năm 2015 và cuối năm 2020.

c/ Kết quả thực hiện mục tiêu đưa các địa bàn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn so với Kế hoạch của giai đoạn:

- Những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của các ngành, các cấp đã ưu tiên tập trung mọi nguồn lực đầu tư cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển, các xã, ấp đặc biệt khó khăn. Kết quả đầu năm 2016 toàn huyện có 04 xã bãi ngang ven biển (xã Lưu Nghiệp Anh, Kim Sơn, Hàm Tân và Định An); 09 xã đặc biệt khó khăn (xã Phước Hưng, An Quảng Hữu, Ngãi Xuyên, Thanh Sơn, Hàm Giang, Đại An, Ngọc Biên, Long Hiệp và Tân Hiệp); 06 ấp đặc biệt khó khăn (ấp Đông Sơn, Cây Da, Bền Trị xã Tập Sơn; ấp Chợ, Đôn Điền, Bền Thề, xã Tân Sơn), đến đầu năm 2017 giảm 01 xã bãi ngang (xã Định An) và cuối năm 2020 giảm 06 ấp, 01 xã đặc biệt khó khăn (ấp Đông Sơn, Cây Da, Bền Trị xã Tập Sơn; ấp Chợ, Đôn Điền, Bền Thề, xã Tân Sơn và xã Đại An). Hiện nay, toàn huyện còn 03 xã bãi ngang ven biển (xã Lưu Nghiệp Anh, Kim Sơn và Hàm Tân, trong đó xã Lưu Nghiệp Anh, Hàm Tân được công nhận xã đạt nông thôn mới vào năm 2019), 03 xã đặc biệt khó khăn (xã Ngãi Xuyên, Thanh Sơn, Hàm Giang) và 03 ấp đặc biệt khó khăn (ấp Sóc Tro Dưới, xã An Quảng Hữu; ấp Trà Cú C, xã Kim Sơn; ấp Ba Trạch B, xã Tân Hiệp).

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Huyện ủy, HĐND và UBND huyện, Cấp ủy và Chính quyền địa phương, từ đó công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn huyện được kịp thời, đồng bộ và có hiệu quả cao, tỷ lệ hộ nghèo của huyện trong 05 năm giảm 17,59% (tương đương giảm 7.003 hộ nghèo), khoảng cách chênh lệch về nghèo giữa các vùng được thu hẹp đáng kể.

3.2.2. Đánh giá mức độ tham gia của các đối tượng hưởng lợi:

- Công tác xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được các ngành quan tâm tổ chức thực hiện hằng năm, chỉ đạo triển khai đồng bộ các dự án, các chính sách của Chương trình từ huyện đến cơ sở, đồng thời chủ động phân công, bố trí lực lượng tổ chức thực hiện. Nhìn chung công tác tham gia của người dân vào công tác lập Kế hoạch trung hạn và dài hạn hàng năm của Chương trình, cũng như tổ chức triển khai thực hiện Chương trình của dự án giảm nghèo đều có sự tham gia của người dân, nhưng đa số người dân chưa thấy rõ vai trò, trách nhiệm của mình cũng như tầm quan trọng của công tác lập Kế hoạch.

- Về sự tham gia đóng góp của người dân trong tổ chức thực hiện các dự án, hoạt động của Chương trình (mức độ đóng góp, tham gia vào giám sát, tham gia vận hành và duy tu, bảo dưỡng): Ưu tiên quan tâm đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer, xã, ấp đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn bãi ngang, ven biển. Vận động người dân tham gia đóng góp trực tiếp bằng tiền, bằng ngày công lao động và tạo điều kiện để mọi người dân tham gia kiểm tra, giám sát trong quá trình thi công.

- Nhìn chung các công trình, dự án được thực hiện xây dựng trên địa bàn đều đảm bảo tính công khai dân chủ ở cơ sở, nhất là các công trình xây dựng cơ bản trước khi thi công xây dựng đều lấy ý kiến của người dân, được nhân dân đồng tình thì mới triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện Ủy ban nhân dân huyện, xã đều có xây dựng Kế hoạch cụ thể và thành lập tổ, Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát cộng đồng... Trong quá trình triển khai thực hiện có phân công, phối hợp và thường xuyên theo dõi và quản lý chặt chẽ, kịp thời khi phát hiện xử lý những khó khăn vướng mắc xảy ra.

- Những thành tựu của huyện đã đạt được trong 05 qua đã và đang phát huy hiệu quả, thiết thực nhờ sự quan tâm lãnh đạo của các ngành cấp trên, trong công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch, công tác triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện luôn đầy đủ và kịp thời đáp ứng yêu cầu Kế hoạch đề ra. Một số công trình xây dựng cơ bản trọng điểm được triển khai trên địa bàn huyện đã tác động tích cực đến phát triển sản xuất, thu hút được các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài huyện.

- Công tác phối hợp với các ngành, các cấp luôn được quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt; công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động quần chúng, nhân dân đồng tình hiến cây, hiến đất trong quá trình thực hiện tiểu dự án được quan tâm thực hiện kịp thời. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân huyện còn thường xuyên phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát cộng đồng, các ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá các công trình dự án tiểu dự án đạt theo yêu cầu và Kế hoạch đề ra, góp phần cho việc thực hiện các công trình, dự án đúng quy định, tiết kiệm và có hiệu quả.

- Về mức độ hưởng lợi của người dân nhìn chung số lượng lớn người hưởng lợi đã tiếp cận được với các chính sách, dự án hợp phần của Chương trình và tỷ lệ bao phủ của Chương trình trong những năm qua đã tăng đáng kể. Đặc biệt đối với các chính sách tín dụng ưu đãi, hỗ trợ y tế, hỗ trợ giáo dục, phát triển xây dựng cơ bản. Chính sách hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo đã đạt 100%. Người nghèo đã có thể tiếp cận được với chính sách các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo một cách dễ dàng, nhận thức của người hưởng lợi về tác động của chính sách các dự án của Chương trình là có tác động tích cực đối với thu nhập và đời sống của người dân. Các hộ nghèo, hộ cận nghèo và người hưởng lợi qua điều tra khảo sát trực tiếp đa số cho biết họ đã hài lòng và phấn khởi với các công trình cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng trên địa bàn và các chính sách ưu đãi của Nhà nước.

II. TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU XÁC ĐỊNH XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG BÃI NGANG, VEN BIỂN

1. Thời gian thẩm tra: Ngày 25 tháng 01 năm 2022.

2. Về hồ sơ thẩm định: Báo cáo đánh giá, xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn.

3. Đánh giá từng tiêu chí xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo gồm 02 tiêu chí quy định tại Điều 4 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

Tiêu chí 1. Xã có đường ranh giới tiếp giáp bờ biển hoặc xã cồn bãi, cù lao, đầm phá, bán đảo, hải đảo có tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo từ 15% trở lên theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025; xã bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn liên tục từ 03 tháng trở lên trong năm và có tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo từ 12% trở lên theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 – 2025.

Kết quả: Do tình hình biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, địa bàn xã 3 năm liên tục bị ảnh hưởng hưởng bởi xâm nhập mặn (từ 03 tháng trở lên/năm) và tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo chiếm 16,08% theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 – 2025 (đạt).

Tiêu chí 2. Thiểu (hoặc chưa đạt) từ 3/9 công trình cơ sở hạ tầng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, phục vụ dân sinh, cụ thể:

a) Xã chưa đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo quy định của Bộ Y tế: Kết quả xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (đạt).

b) Cơ sở vật chất của trường mầm non hoặc tiểu học hoặc trung học cơ sở chưa đạt mức 2 chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Kết quả có 1/3 trường (Trường Mẫu giáo Kim Sơn) đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1 (**chưa đạt**).

c) Tỷ lệ phòng học kiên cố của nhà trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt dưới 75%: Kết quả trên 75% (đạt).

d) Chưa có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Kết quả xã không có sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao (**chưa đạt**).

đ) Tỷ lệ hộ gia đình tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt theo quy định của Bộ Y tế đạt dưới 85%: Kết quả tỷ lệ hộ gia đình tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt đạt 54% (**chưa đạt**).

e) Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh theo quy định của Bộ Y tế đạt dưới 70%: Kết quả tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 74% (đạt).

g) Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt dưới 85%: Kết quả tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100% (đạt).

h) Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt dưới 75%: Kết quả tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt dưới 53,74% (**chưa đạt**).

i) Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt dưới 30%: Kết quả tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện đạt 50,01% (đạt).

III. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: Báo cáo đánh giá, xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

2. Kết quả đánh giá, xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo:

- Tiêu chí 1: đạt.
- Tiêu chí 2: đạt 4/9 tiêu chí.

Trên đây là báo cáo đánh giá, xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú báo cáo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nắm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- UBND xã Kim Sơn.
- LĐVP;
- Lưu: VT, NCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tăng Thị Thắm